

Số: 106/QĐ-TH&THCSLKC

An Thọ, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai danh sách học sinh được hỗ trợ, miễn giảm học phí và các khoản thu khác học kỳ 1 năm học 2024 – 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND); Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 21/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách học sinh được hỗ trợ, miễn, giảm học phí và các khoản thu khác học kỳ 1 năm học 2024 - 2025 của trường Tiểu học và THCS Lê Khắc Cản (Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng tổ văn phòng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Văn Toàn

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG TH&THCS LÊ KHẮC CẦN

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ; HỖ TRỢ HỌC PHÍ,
CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TH&THCSLK ngày 04/10/2024 của trường TH&THCS Lê Khắc Cần)

TT	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Người giám hộ	Bố, mẹ, ông, bà	Lớp	Số TT trong sổ quản lý hộ nghèo, cận nghèo	Thuộc đối tượng
I	Tiểu học						
I.1	Danh sách học sinh được miễn các khoản học liên kết; QLHSNG; hỗ trợ cho HĐ giáo dục dạy học 2 buổi/ngày; hỗ trợ chi phí học tập						
1	Đào Bảo Xuyên	26/11/2018	Đào Văn Ngoan	Bố	1C	10	Hộ nghèo
2	Vũ Ngọc Lan	25/02/2017	Trần Thị Duyên	Mẹ	1B	11674-61	Khuyết tật
3	Lê Xuân Hào	14/04/2016	Lê Xuân Rộng	Bố	2A	11674-48	Khuyết tật
4	Lê Thanh Hải	31/10/2016	Lê Ngọc Dũng	Bố	2A	11674/60	Khuyết tật
5	Nguyễn Thị Hải Yên	01/4/2016	Nguyễn Văn Thắng	Bố	3B	02	Hộ nghèo
6	Nguyễn Thị Kim Thư	19/01/2015	Nguyễn Văn Thắng	Bố	3B	02	Hộ nghèo
7	Vũ Duy Khang	03/12/2014	Vũ Mạnh Khương	Bố	3C	11674-35	Khuyết tật
8	Nguyễn Hữu Quân	04/02/2012	Lê Thị Hiền	Mẹ	4A	11674-181	Khuyết tật
9	Đào Huy Tuấn	09/12/2011	Đào Văn Tân	Bố	5B	11674-72	Khuyết tật
I.2	Danh sách học sinh được giảm 50% các khoản học liên kết; QLHSNG; hỗ trợ cho HĐ giáo dục dạy học 2 buổi/ngày						
1	Nguyễn Triệu Vi	26/02/2016	Nguyễn Thị Duyên	Mẹ	3A	02	Hộ cận nghèo
2	Trần Thành Tuấn Tú	29/01/2015	Đào Thị Giang	Mẹ	4A	43	Hộ cận nghèo
II	THCS						
II.1	Danh sách học sinh được miễn học phí, học thêm, học liên kết, hỗ trợ chi phí học tập						
1	Nguyễn Thanh Bình	01/10/2009	Nguyễn Mạnh Đạt	Bố	8A	11674-241	Khuyết tật
2	Phạm Đăng Khôi	16/04/2011	Phạm Đắc Tú	Bố	8C	8680	Khuyết tật
3	Lại Nhật Đức Thành	25/06/2010	Lại Thị Gấm	Sư ở chùa	9C	02	Mồ côi
II.2	Danh sách học sinh được giảm 50% học phí, học thêm, học liên kết						
1	Nguyễn Đình Vinh	07/11/2012	Nguyễn Đình Nghệ	Ông	7C	21	Hộ cận nghèo
2	Nguyễn Hoàng Minh	13/07/2011	Nguyễn Thị Hời	Mẹ	8A	32	Hộ cận nghèo
3	Vũ Minh Quân	19/04/2011	Vũ Văn Quang	Bố	8C	08	Hộ cận nghèo
4	Nguyễn Thị Trà My	24/09/2010	Nguyễn Đình Nghệ	Ông	9B	21	Hộ cận nghèo
5	Nguyễn Thị Thủy	06/07/2010	Nguyễn Văn Giới	Bố	9B	23	Hộ cận nghèo

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG TH&THCS LÊ KHẮC CẦN

DANH SÁCH HỌC SINH

Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố
Học kỳ I năm học 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ số : 106/QĐ-TH&THCSLKC ngày 04/10/2024 của trường TH&THCS Lê Khắc Cần)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
1	Đặng Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
2	Lương Trần Đức Anh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
3	Nguyễn Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
4	Trần Gia Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
5	Lê Hà Chi	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
6	Lê Văn Cường	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
7	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
8	Hoàng Khánh Duy	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
9	Lê Thị Thùy Dương	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
10	Vũ Đức Dương	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
11	Lê Văn Thành Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
12	Nguyễn Đình Hải Đăng	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
13	Nguyễn Phùng Đức	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
14	Lê Thị Ngọc Hà	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
15	Lương Đức Hải	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
16	Lê Minh Hiền	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
17	Nguyễn Huy Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
18	Lê Đức Huy	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
19	Nguyễn Thị Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
20	Nguyễn Duy Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
21	Nguyễn Xuân Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
22	Lê Tuệ Lam	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
23	Nguyễn Thị Khánh Linh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
24	Đỗ Hà Khánh Ly	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
25	Nguyễn Phạm Khánh Ly	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
26	Nguyễn Khánh Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
27	Lê Tuyết Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
28	Nguyễn Thị Yến Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
29	Lê Yến Như	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
30	Nguyễn Xuân Phát	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
31	Phạm Gia Phú	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
32	Nguyễn Văn Quảng	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A
33	Phạm Minh Quân	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	6A

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
34	Nguyễn Tiến Thành	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
35	Nguyễn Phương Thảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
36	Phan Thị Thảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
37	Đào Quang Thắng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
38	Đào Văn Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
39	Nguyễn Minh Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
40	Nguyễn Bảo Xuân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6A
41	Nguyễn Bảo An	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
42	Đào Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
43	Nguyễn Đức Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
44	Nguyễn Thị Hà Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
45	Nguyễn Thị Vân Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
46	Phạm Quỳnh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
47	Lê Văn Bách	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
48	Nguyễn Gia Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
49	Phạm Văn Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
50	Nguyễn Việt Cường	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
51	Vũ Văn Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
52	Trần Thành Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
53	Nguyễn Thị Giang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
54	Nguyễn Như Hiếu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
55	Nguyễn Trung Hiếu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
56	Nguyễn Hữu Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
57	Nguyễn Việt Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
58	Vũ Huy Hùng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
59	Vũ Gia Huy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
60	Phạm Thị Thùy Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
61	Đỗ Gia Lộc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
62	Nguyễn Thành Nam	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
63	Lê Ngọc Nga	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
64	Lê Khánh Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
65	Nguyễn Bảo Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
66	Phùng Tuấn Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
67	Lê Hữu Phong	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
68	Nguyễn Thị Thu Phương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
69	Nguyễn Minh Quân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
70	Phạm Bảo Trâm	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
71	Nguyễn Thị Thanh Trúc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
72	Vũ Thị Thanh Trúc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
73	Lê Tuấn Tú	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
74	Đào Anh Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở ND81/2021/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
75	Nguyễn An Tuệ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
76	Lê Thị Thùy Vân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
77	Giáp Nguyễn Bảo Vi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
78	Lê Quốc Vinh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
79	Nguyễn Đức Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
80	Nguyễn Minh Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
81	Đông Phương Vy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6B
82	Lê Nguyễn Trâm Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
83	Nguyễn Tuấn Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
84	Phạm Thị Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
85	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
86	Phan Tiến Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
87	Phan Chí Công	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
88	Bùi Văn Dũng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
89	Nguyễn Ngọc Duy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
90	Đào Văn Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
91	Lê Xuân Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
92	Nguyễn Thị Ngọc Hà	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
93	Lê Minh Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
94	Nguyễn Mạnh Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
95	Bùi Thị Hiền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
96	Đỗ Việt Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
97	Nguyễn Thắng Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
98	Phạm Vũ Huy Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
99	Nguyễn Quang Anh Hùng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
100	Nguyễn Thu Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
101	Nguyễn Trọng Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
102	Nguyễn Đức Kiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
103	Phạm Mai Lan	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
104	Nguyễn Xuân Long	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
105	Nguyễn Trung Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
106	Vũ Huỳnh Hà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
107	Lương Thị Hồng Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
108	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
109	Lê Kim Oanh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
110	Lê Xuân Phú	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
111	Bùi Ngọc Quyên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
112	Phan Văn Quyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
113	Nguyễn Văn Thái	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
114	Thẩm Hồng Thái	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
115	Nguyễn Phương Thanh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở ND81/2021/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
116	Lê Văn Tiến Thành	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
117	Nguyễn Phương Thảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
118	Lê Nguyễn Minh Thủy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
119	Nguyễn Thị Anh Thư	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
120	Vũ Thị Anh Thư	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
121	Phạm Bảo Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	6C
122	Lê Trang Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
123	Vũ Thị Duyên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
124	Nguyễn Ngọc Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
125	Đào Minh Đức	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
126	Đỗ Hương Giang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
127	Phạm Thanh Hà	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
128	Nguyễn Trọng Hoàng Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
129	Vũ Ngọc Hiền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
130	Nguyễn Như Hiếu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
131	Nguyễn Trọng Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
132	Nguyễn Như Huy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
133	Nguyễn Minh Hương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
134	Nguyễn Xuân Quốc Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
135	Lê Ngọc Lan	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
136	Phan Hoàng Khánh Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
137	Đào Thị Ngọc Mai	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
138	Nguyễn Thị Ngọc Mai	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
139	Nguyễn Hà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
140	Phạm Thanh Ngân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
141	Nguyễn Minh Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
142	Nguyễn Thị Linh Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
143	Nguyễn Thị Yến Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
144	Vũ Phong	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
145	Bùi Hà Phương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
146	Vũ Mạnh Quân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
147	Nguyễn Trọng Sang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
148	Lê Tiến Thành	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
149	Lê Văn Thành	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
150	Đào Duy Thắng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
151	Vũ Quốc Thuận	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
152	Đào Vi Vân Thủy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
153	Lê Thị Thanh Thủy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
154	Vũ Văn Tiến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
155	Lê Hoàng Thành Trung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
156	Phạm Xuân Trường	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở ND81/2021/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
157	Đào Anh Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
158	Lê Anh Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
159	Đào Thị Ngọc Vy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
160	Phạm Mai Xuân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7A
161	Lê Minh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
162	Nguyễn Duy Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
163	Vũ Duy Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
164	Nguyễn Ngọc Ánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
165	Nguyễn Gia Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
166	Vũ Lê Gia Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
167	Nguyễn Ngọc Bích	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
168	Nguyễn Công Bình	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
169	Long Quý Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
170	Nguyễn Đức Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
171	Lê Hồng Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
172	Phạm Thị Ngọc Hân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
173	Nguyễn Ngọc Hải Hòa	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
174	Nguyễn Hữu Minh Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
175	Nguyễn Trọng Huy Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
176	Nguyễn Chí Kiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
177	Lê Tuấn Kiệt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
178	Phạm Tuấn Kiệt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
179	Lê Thị Hải Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
180	Nguyễn Thái Hà Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
181	Bùi Nhật Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
182	Lê Thị Hà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
183	Nguyễn Hà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
184	Vũ Hà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
185	Vũ Hải Nam	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
186	Nguyễn Trọng Nghĩa	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
187	Vũ Đức Nguyên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
188	Hà Nguyễn Chính Nhân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
189	Nguyễn Trang Nhung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
190	Lê Nguyễn Bảo Phúc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
191	Nguyễn Phương Thủy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
192	Nguyễn Thị Phương Thủy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
193	Đào Khánh Thy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
194	Lê Anh Tiến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
195	Nguyễn Văn Trung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
196	Lê Đức Tú	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
197	Nguyễn Minh Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
198	Phùng Tô Uyên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
199	Nguyễn Thanh Xuân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
200	Vũ Thị Hải Yến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7B
201	Lê Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
202	Lê Thị Ngọc Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
203	Lê Vũ Hoài Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
204	Nguyễn Minh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
205	Nguyễn Thị Diệu Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
206	Vũ Lan Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
207	Nguyễn Ngọc Bích	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
208	Hoàng Thị Thùy Chi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
209	Lê Anh Dũng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
210	Nguyễn Minh Hiếu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
211	Nguyễn Trọng Hiếu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
212	Hồ Huy Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
213	Đặng Bá Quang Huy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
214	Lê Thị Thanh Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
215	Phạm Thị Thu Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
216	Lê Khánh Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
217	Nguyễn Trọng Long	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
218	Phạm Thị Tuyết Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
219	Nguyễn Bảo Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
220	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
221	Vũ Văn Minh Nhật	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
222	Nguyễn Lê Linh Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
223	Đặng Thu Phương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
224	Lê Thị Nhật Quỳnh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
225	Lê Thị Như Quỳnh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
226	Nguyễn Diễm Quỳnh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
227	Bùi Anh Tài	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
228	Đào Đặng Thanh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
229	Đào Quang Thịnh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
230	Nguyễn Thị Ngọc Thu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
231	Nguyễn Thủy Tiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
232	Nguyễn Xuân Toàn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
233	Lương Quỳnh Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
234	Lê Bảo Trâm	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
235	Nguyễn Phùng Trí	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
236	Vũ Văn Tú	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
237	Nguyễn Đức Minh Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
238	Nguyễn Thị Yến Vi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
239	Nguyễn Đình Vinh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	124,000	124,000	7C
240	Nguyễn Thị Lan Vy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
241	Nguyễn Hải Yến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	7C
242	Hoàng Thị Phương An	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
243	Vũ Hoàng An	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
244	Phan Vũ Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
245	Vũ Tuấn Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
246	Nguyễn Thanh Bình	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	248,000	0	8A
247	Lê Minh Châu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
248	Nguyễn Minh Châu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
249	Phạm Đức Chiến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
250	Vũ Văn Cường	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
251	Phạm Đức Đại	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
252	Nguyễn Xuân Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
253	Nguyễn Phùng Trường Giang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
254	Nguyễn Xuân Giáp	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
255	Lương Đức Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
256	Nguyễn Ngọc Hân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
257	Nguyễn Thị Hiền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
258	Trần Thu Hiền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
259	Lê Văn Huy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
260	Nguyễn Thị Thu Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
261	Phan Văn Khải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
262	Đào Khánh Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
263	Nguyễn Thị Khánh Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
264	Lê Thành Luân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
265	Nguyễn Ngọc Mai	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
266	Vũ Đỗ Ngọc Mai	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
267	Nguyễn Hoàng Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	124,000	124,000	8A
268	Nguyễn Văn Nam	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
269	Trần Thị Yến Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
270	Lê Minh Sáng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
271	Lê Hoàng Thanh Tâm	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
272	Phan Vũ Thanh Thảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
273	Lương Đức Thắng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
274	Lê Thị Thu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
275	Dương Thị Thu Thủy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	1	62,000		62,000	8A
276	Lê Văn Trung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
277	Nguyễn Bạch Tuyết	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
278	Vũ Thị Ánh Tuyết	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A
279	Lê Hồng Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8A

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
280	Lê Minh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
281	Lê Ngọc Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
282	Lương Đức Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
283	Phạm Quỳnh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
284	Lê Quốc Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
285	Nguyễn Thành Chung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
286	Lê Văn Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
287	Nguyễn Hải Đăng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
288	Nguyễn Ngọc Giang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
289	Nguyễn Ngân Hà	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
290	Lê Phương Hoa	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
291	Vũ Huy Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
292	Vũ Trọng Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
293	Lê Thị Ánh Hồng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
294	Nguyễn Tuấn Hùng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
295	Vũ Quang Huy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
296	Phạm Tuấn Hưng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
297	Phạm Diễm Hương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
298	Đào Văn Lâm Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
299	Nguyễn Như Quốc Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
300	Nguyễn Thế Lâm	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
301	Nguyễn Trần Mai Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
302	Nguyễn Tiến Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
303	Nguyễn Thị Hà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
304	Nguyễn Thị Nga	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
305	Lê Bảo Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
306	Bùi Thị Khánh Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
307	Vũ Thị Phương Nhung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
308	Nguyễn Thị Mai Phương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
309	Vũ Thanh Tâm	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
310	Hoàng Thị Thanh Thảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
311	Lê Văn Chiến Thắng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
312	Nguyễn Quang Trường Thiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
313	Nguyễn Quốc Tiến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
314	Nguyễn Quốc Toàn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
315	Nguyễn Thị Đoàn Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
316	Nguyễn Thị Mai Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
317	Đào Nguyễn Hoàng Yến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
318	Vũ Hải Yến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
319	Lê Thị Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8B
320	Nguyễn Quỳnh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
321	Nguyễn Tuấn Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
322	Bùi Ngọc Ánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
323	Phạm Ngọc Ánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
324	Phan Thị Ngọc Ánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
325	Nguyễn Thị An Bình	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
326	Phan Minh Chi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
327	Lương Chí Dũng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
328	Nguyễn Tùng Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
329	Phạm Thị Hương Giang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
330	Lê Thị Ngọc Hà	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
331	Nguyễn Thị Hồng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
332	Phạm Minh Huy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
333	Đào Văn Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
334	Phạm Đăng Khôi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	248,000	0	8C
335	Nguyễn Xuân Kiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
336	Lê Thị Thùy Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
337	Nguyễn Phương Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
338	Phan Văn Long	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
339	Phạm Duy Mạnh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
340	Nguyễn Thị My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
341	Nguyễn Hải Nam	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
342	Lê Phạm Bảo Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
343	Đỗ Diệu Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
344	Nguyễn Như Phúc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
345	Phạm Đức Quân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
346	Vũ Minh Quân	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	124,000	124,000	8C
347	Nguyễn Đức Bảo Sơn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
348	Lương Đức Tài	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
349	Trần Phương Thảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
350	Vũ Đức Tiến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
351	Đỗ Mai Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
352	Nguyễn Đào Thu Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
353	Lê Văn Trọng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
354	Đào Thị Yến Vi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
355	Phạm Hà Vi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
356	Lê Xuân Vương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	8C
357	Lê Đức An	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
358	Phạm Thái An	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
359	Đào Minh Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
360	Nguyễn Phương Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
361	Nguyễn Đức Gia Bảo	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
362	Phạm Tiến Công	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
363	Lê Anh Dũng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
364	Vũ Thùy Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
365	Nguyễn Trung Đức	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
366	Nguyễn Hương Giang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
367	Nguyễn Thị Thu Hà	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
368	Nguyễn Vũ Nam Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
369	Đặng Thu Hiền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
370	Vũ Ngọc Hiếu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
371	Đào Huy Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
372	Nguyễn Thị Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
373	Phạm Mai Hương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
374	Nguyễn Thị Phương Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
375	Phạm Khánh Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
376	Vũ Thị Phương Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
377	Nguyễn Bích Loan	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
378	Nguyễn Quang Lộc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
379	Nguyễn Tuấn Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
380	Nguyễn Như Quỳnh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
381	Nguyễn Đức Tiến Thành	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
382	Phạm Minh Tiến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
383	Lê Thị Huyền Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
384	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
385	Nguyễn Đức Trung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
386	Nguyễn Minh Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
387	Nguyễn Tuấn Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
388	Lê Thị Yến	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9A
389	Nguyễn Quang Bình	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
390	Phan Thị Phương Dung	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
391	Nguyễn Trọng Dũng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
392	Nguyễn Thùy Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
393	Vũ Hải Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
394	Lương Khải Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
395	Phạm Tiến Đạt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
396	Nguyễn Công Minh Đức	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
397	Bùi Ngọc Hà	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
398	Lê Thị Ngọc Hoa	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
399	Đào Thị Lan Hương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
400	Trần Anh Khoa	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
401	Đào Trung Kiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
402	Phạm Thị Thanh Kiều	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
403	Phạm Đình Hoàng Kim	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
404	Nguyễn Mai Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
405	Nguyễn Thị Diệu Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
406	Lương Thị Khánh Ly	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
407	Nguyễn Phùng Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
408	Nguyễn Thị Trà My	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	124,000	124,000	9B
409	Lê Văn Nam	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
410	Lê Thị Bảo Ngọc	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
411	Nguyễn Thị Phương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
412	Nguyễn Thị Ngọc Phương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
413	Nguyễn Văn Thành	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
414	Phạm Văn Thắng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
415	Nguyễn Thị Thùy	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000	124,000	124,000	9B
416	Lương Gia Trường	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
417	Lê Xuân Anh Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
418	Nguyễn Thị Phương Vi	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
419	Hoàng Quốc Việt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
420	Lê Bảo Việt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
421	Nguyễn Ngô Quốc Việt	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
422	Nguyễn Như Lâm Vũ	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9B
423	Lê Thái Bảo Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
424	Lê Việt Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
425	Nguyễn Thị Vân Anh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
426	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
427	Vũ Đình Bách	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
428	Phạm Văn Tiến Dũng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
429	Nguyễn Thùy Dương	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
430	Nguyễn Văn Hải	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
431	Vũ Minh Hậu	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
432	Lê Văn Hoàng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
433	Phạm Thế Hùng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
434	Lê Ngọc Huyền	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
435	Phạm Khánh Hưng	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
436	Đình Nam Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
437	Nguyễn Bảo Khánh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
438	Lê Văn Kiên	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
439	Vũ Tùng Lâm	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
440	Đỗ Duy Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
441	Lê Phạm Phương Linh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
442	Đỗ Phương Mai	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
443	Lê Xuân Hiến Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C
444	Phạm Đức Minh	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	62,000	4	248,000		248,000	9C

TT	Họ tên học sinh	Đơn vị	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn, giảm ở NĐ81/2021/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025	Ghi chú
445	Lê Thu Ngân	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
446	Vũ Thanh Nguyệt	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
447	Lê Tuyết Nhi	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
448	Nguyễn Như Bảo Quốc	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
449	Đào Thị Diễm Quỳnh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
450	Lại Nhật Đức Thành	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000	248,000	0	9C
451	Nguyễn Văn Thành	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
452	Đào Văn Thắng	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
453	Nguyễn Minh Thư	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
454	Lê Thị Diệu Trang	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
455	Nguyễn Xuân Trường	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
456	Lê Văn Tuấn	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
457	Nguyễn Thúy Vân	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
458	Nguyễn Công Vinh	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
459	Lê Thị Khánh Vy	TH&THCS Lê Khắc Cần	62,000	4	248,000		248,000	9C
Tổng					113,646,000	1,364,000	112,282,000	